

Bản án số: 461/2020/HS-ST

Ngày: 23/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Tính – Phó Phòng trẻ em-
Sở Lao động -Thương binh và xã hội

2/ Bà Trần Thị Như Phương – Hội Liên hiệp
phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vui

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Lệ Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 657/2020/HSST ngày 26/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5484/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NVM**; giới tính: Nam; sinh ngày: 27/5/2001 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Số 133/51 NSHL, Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số 133/51 NSHL, Phường M, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: VN; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; đảng phái: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông NVH sinh năm 1971 và bà ĐTH sinh năm 1973; anh chị em: Có 01 người em sinh năm 2012; vợ, con: Chưa có;

Nhân thân: Ngày 04/8/2019, bị công an Phường M, quận TB bắt lập hồ sơ đưa đi cay nghiện ma túy bắt buộc tại Cơ sở NX. Ngày 11/10/2019, cơ sở NX chuyển bị cáo M đến Cơ sở cai nghiện ma túy số 2 tại BL, LĐ, thời hạn 12 tháng.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/7/2020 tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **NHS**; giới tính: Nam; sinh ngày: 20/9/2002 tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: 5A đường số 16, khu phố 24, phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: 5A đường số 16, khu phố 24, phường A, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: VN; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; đảng phái: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông NHT sinh năm 1965 và bà LTL sinh năm 1976; anh chị em: Không; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2020 tại Trại tạm giam Chí Hòa Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

+ Bị hại: Bà WQ, sinh năm 1990, quốc tịch: TQ.

Địa chỉ nơi lưu trú cuối cùng tại Việt Nam: Khách sạn KH, số 624 LLQ, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông LC, sinh năm 1979, quốc tịch: TQ.

Địa chỉ nơi lưu trú cuối cùng tại Việt Nam: Khách sạn KH, số 624 LLQ, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 19/5/2019, NHS gọi điện thoại cho anh Đào Thái N (sinh năm 1994; cư trú: 73 ĐMT, Phường M, quận TB) rủ đi chơi thì anh N đồng ý. Sau đó, S chạy xe Air Blade biển số 64K1-096.xx đến nhà anh N để đổi xe Yamaha Exciter màu xanh, biển số 59Y1-709xx của anh N và giao xe Air Blade lại cho anh N sử dụng. Đến khoảng 10 giờ 30 ngày 20/5/2019, S điều khiển xe gắn máy biển số 59Y1-70992 đến tiệm Internet Mega trên đường LLQ, thuộc quận TB để chơi game, còn anh N đi về nhà ngủ. Tại tiệm Internet, S gặp NVM (là bạn quen biết khi S còn làm bảo vệ tại tiệm) và nhóm bạn của M. Ngồi chơi internet đến khoảng 05 giờ sáng cùng ngày, nhóm bạn của M rủ đi chơi. Do thiếu xe nên M kêu S chờ đi. Lúc này, nhóm bạn của M đi trước còn S chờ M đi sau. Trên đường đi, M rủ S đi cướp giật tài sản để lấy tiền tiêu xài, S đồng ý. S điều khiển xe Yamaha Exciter màu xanh, biển số 59Y1-709.xx chở M chạy lòng vòng trên các tuyến đường thuộc Quận X, quận TB, quận TP với mục đích tìm người đi đường sơ hở để cướp giật tài sản.

Đến khoảng 06 giờ 15 phút cùng ngày, S chở M chạy ngang qua khách sạn Khải Hoàn, địa chỉ số 624 LLQ, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (hướng từ vòng xoay ĐS về AC) thì M nhìn thấy bà WQ cùng bạn là anh LC

(quốc tịch Trung Quốc) từ trong khách sạn đi ra và đang chuyển hành lý lên xe taxi đậu trước khách sạn, trên vai bà WQ có đeo 1 túi xách màu trắng. M nói cho S biết nên S điều khiển xe quay lại và chạy lên lề đường, áp sát từ phía sau bà WQ, M ngồi sau dùng tay trái giật chiếc túi xách trên vai bà WQ rồi S tăng ga tẩu thoát. Khi chạy đến hẻm bên hông nhà số 766/27 LLQ, Phường C, quận TB, S và M dừng lại kiểm tra túi xách, bên trong có: Thẻ ATM, Hộ chiếu, thẻ ngân hàng... và 100 Nhân dân tệ. M giữ lại 100 Nhân dân tệ, còn lại các giấy tờ và túi xách vứt bỏ vào thùng rác công cộng bên hông nhà số 766/27 LLQ, Phường C, quận TB. Sau đó, S chở M về nhà của anh Ph (bạn của M tại quận TB) để nhờ anh Ph đi đổi tiền giúp. M ở lại nhà Ph, còn S chở anh Ph đến tiệm vàng NH (địa chỉ số 105 Nguyễn S, phường PT, quận TP) để đổi tiền, S vào bên trong đổi 100 Nhân dân tệ được 330.000 đồng rồi cả hai đi về nhà anh Ph nhưng không gặp M. Tại đây, S đưa cho anh Ph 200.000 đồng để nhờ anh Ph đưa cho M sử dụng, số tiền còn lại S tiêu xài cá nhân. Sau đó, S điều khiển xe biển số 59Y1-709.92 đến nhà anh Nguyễn đổi lại xe Air Blade biển số 64K1-096.xx rồi về nhà.

Qua điều tra, truy xét, ngày 07 và 08/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với NVM và NHS. Tại Cơ quan điều tra, M, S khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 39/KLĐGTS ngày 28/5/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận X xác định giá trị túi xách hiệu Gucci Sylvie màu trắng mua năm 2018 đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 20/5/2019 là 10.000.000 đồng.

Tại công văn số 1928/HCM-QLNHV ngày 13/8/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh TP. Hồ Chí Minh xác định tỷ giá ngoại tệ tiền Nhân dân tệ Trung Quốc so với tiền đồng Việt Nam đồng tại thời điểm ngày 20/5/2019 thì 100 nhân dân tệ là 335.735 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số 633/KLGĐ-TT ngày 17/4/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh, kết luận: Không thấy có dấu hiệu cắt ghép chỉnh sửa nội dung trên hai (02) tập tin video “CH02. 20190520-065459-06555.avi và CH03-20190520-065411-065554.avi”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, NVM và NHS đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

** Vật chứng thu giữ trong vụ án và xử lý vật chứng:*

- 01 USB ghi nhận hình ảnh M và S thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” của bà WQ trước khách sạn KH thực hiện ngày 20/5/2019 cần được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Một xe gắn máy hiệu Yamaha biển số 59YI-709.xx. Kết quả xác minh chiếc xe trên do anh ĐTN (ngụ tại 73 ĐMT, Phường M, quận TB, Thành phố

Hồ Chí Minh) đứng tên chủ sở hữu. Qua làm việc anh N cho biết tối ngày 19/5/2019, anh N có đổi chiếc xe trên cho S sử dụng. Anh N không biết S đã sử dụng xe để đi cướp giật tài sản nên Cơ quan điều tra không thu giữ chiếc xe của anh N.

**Tài sản không thu hồi được* gồm: Một túi xách hiệu Gucci Sylvie, màu trắng bên trong có 01 hộ chiếu, 01 thẻ visa, 04 thẻ ngân hàng, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe ô tô mang tên WQ. Một hộ chiếu, 01 thẻ visa mang tên LC; 01 thẻ visa mang tên ZH, 100 nhân dân tệ.

** Về trách nhiệm dân sự:* Tại Công an Phường N, Quận X, bà WQ yêu cầu Cơ quan điều tra giúp tìm lại tài sản và giấy tờ tùy thân, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Hiện bị hại WQ đã về nước và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Tại phiên tòa hôm nay, bị hại WQ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông LC đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến nào khác.

Tại bản Cáo trạng số 460/CT-VKS-P2 ngày 08/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị các cáo tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “Dùng phương tiện nguy hiểm”. Tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Quá trình xét hỏi công khai và thẩm tra các tài liệu, chứng cứ có liên quan trong vụ án:

Các bị cáo NVM và NHS thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố.

2. Trong phần tranh luận:

2.1 Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm luận tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo M và bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thừa nhận hành vi phạm tội của mình, khi phạm tội các bị cáo NHS và NVM chưa thành niên nên cần áp dụng quy định tại Điều 90, 91 khi quyết định hình phạt cho các bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo NHS từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam; tuyên phạt bị cáo NVM từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

2.2 Các bị cáo không tranh luận với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

3. Phần bị cáo nói lời nói sau cùng:

Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và trình bày của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra và Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo có mặt; bị hại là bà WQ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông LC vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Xét thấy, tại cơ quan điều tra những người này đều đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ, về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu nên việc xét xử vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Qua lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các vật chứng thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 20/5/2019, tại trước khách sạn KH, địa chỉ số 624 LLQ, Phường N, Quận X, NHS điều khiển xe Exciter màu xanh biển số 59Y1-709.xx chở NVM áp sát từ phía sau bà WQ (Quốc tịch TQ) giật túi xách hiệu Gucci màu trắng (bên trong gồm có thẻ visa, hộ chiếu, các giấy tờ liên quan và tiền nhân dân tệ) rồi tẩu thoát. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt trong vụ cướp giật nêu trên là 10.357.350 đồng theo Kết luận định giá tài sản số

39/KLĐGTS ngày 28/5/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân Quận X.

Khi thực hiện hành vi như đã nhận định ở trên, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tính mạng của cá nhân, tổ chức khác, xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội.

Từ các căn cứ trên, có đủ cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo NHS và bị cáo NVM đã phạm tội “Cướp giật tài sản”, thuộc trường hợp “dùng phương tiện nguy hiểm” theo quy định tại các điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Bị cáo M là người chủ mưu rủ rê, lôi kéo bị cáo S khi bị cáo S chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” được quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Mỹ.

Các bị cáo phạm tội lần đầu, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người chưa thành niên, hiểu biết, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, nên cần áp dụng các quy định tại Điều 90, Điều 91, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hoàn cảnh, nhân thân và khả năng nhận thức, hiểu biết pháp luật của các bị cáo trong vụ án. Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt phù hợp đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại Công an Phường N, Quận X, bà WQ yêu cầu Cơ quan điều tra giúp tìm lại tài sản và giấy tờ tùy thân, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Hiện bị hại WQ đã về nước và chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam.

Tại phiên tòa hôm nay, bị hại là bà WQ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông LC đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét về trách nhiệm dân sự của các bị cáo. Bà WQ có quyền khởi kiện đề yêu cầu các bị cáo NHS và NVM bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

[6] Về hành vi của các đối tượng có liên quan trong vụ án.

Đối với anh ĐTN, khi đổi xe gắn máy hiệu Yamaha Exiter, biển số 59Y1-709xx cho NHS, anh N không biết S đã sử dụng xe để đi cướp giật tài sản. Do vậy, không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với anh Ng về tội “Cướp giật tài sản” với vai trò đồng phạm với S là có căn cứ.

Đối với anh Trần Thanh Ph, có hành vi đi cùng S đổi số tiền 100 Nhân dân tệ (là tài sản do S cướp giật mà có) nhưng anh Ph không biết được số tiền trên là do S và M phạm tội mà có nên không đủ cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Ph là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng

Căn cứ Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Lưu trữ trong hồ sơ vụ án vật chứng có liên quan đến hành vi cướp giật tài sản: 01 USB ghi nhận hình ảnh M và S thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” của bà WQ trước khách sạn KH thực hiện ngày 20/5/2019.

[8] Về án phí.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

Bị cáo NVM và bị cáo Nguyễn Hoàng S phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1.1] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo NVM 02 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/7/2019.

[1.2] Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 90, Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo NHS 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2019.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Lưu trữ trong hồ sơ vụ án vật chứng có liên quan đến hành vi cướp giật tài sản: 01 USB ghi nhận hình ảnh M

và S thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” của bà WQ trước khách sạn Khải Hoàn thực hiện ngày 20/5/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bà WQ có quyền khởi kiện để yêu cầu các bị cáo NHS và NVM bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo NHS và bị cáo NVM, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người liên quan;
- Trại giam;
- Phòng THA-HS;
- Phòng PC 53-CATP.HCM;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp;
- Lưu: Hình sự; Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đức Toàn